

Bản án số 15/2025/HNGĐ-ST

Ngày 29-9-2025

V/v ly hôn,

tranh chấp nuôi con chung.

.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hoàng Thị Nguyệt

Bà Triệu Thị Liên

Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Diệu - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2025 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/8/2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 07/2025/QĐST-HNGĐ ngày 12/9/2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lý Thị L, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn B, xã T, tỉnh T. Căn cước công dân số 002187005925 cấp ngày 25/6/2021; nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Lý Văn T, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn B, xã T, tỉnh T. Số định danh cá nhân 002083008887. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu khác trong hồ sơ vụ án. Nguyên đơn là chị Lý Thị L trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lý Thị L và anh Lý Văn T tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh H nay là Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh T vào ngày 27/6/2010. Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hòa thuận, hạnh phúc và có với nhau 01 đứa con sau đó khoảng vài năm nay thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, không có được tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã làm cho mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng. Anh T thường xuyên uống rượu say rồi có đánh chị L nhiều lần. Sau khi bị đánh thì chị L đã nhờ chính quyền thôn và anh em hai bên gia đình đến hòa giải cho vợ chồng và ban quản lý thôn đã tiến hành hòa giải cho vợ chồng chị L nhưng sau khi hòa giải thì vợ chồng vẫn mâu thuẫn với nhau, anh T

vẫn đánh chị L. Chị L bị đánh nhiều nên đã chuyển ra ở riêng. Hiện nay anh T, chị L mỗi người sống một nơi, giữa vợ chồng không có sự quan tâm, chăm sóc nhau. Nay tình cảm không còn nên chị L xin được ly hôn với anh T.

Về nuôi con chung: Trong quá trình chung sống, chị L và anh T có 01 con chung tên là Lý Mạnh Q, sinh ngày 19/01/2014. Khi chị L chuyển đi sống ly thân với anh T thì có đề cho anh T nuôi con chung nhưng sau đó chị thấy con không được chăm sóc tốt và nguyện vọng của con chung là được ở với chị nên khi ly hôn chị L yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con Lý Mạnh Q đến khi con trưởng thành, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập anh T đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng anh T đều vắng mặt nên Tòa án đã xác minh sự vắng mặt của anh T tại địa phương nơi anh T cư trú được biết anh T vẫn có mặt làm ăn sinh sống tại địa phương con vắng mặt tại Tòa án là do cá nhân anh T không xuống Tòa án làm việc theo triệu tập. Tòa án đã thực hiện tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng anh T không đến Tòa án làm việc và anh T cũng không có yêu cầu gì gửi đến Tòa án. Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng mâu thuẫn gia đình giữa vợ chồng chị L, anh T tại chính quyền địa phương được biết: Chị L và anh T đã đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T và chung sống cùng nhau. Quá trình chung sống với nhau có phát sinh mâu thuẫn và có đánh nhau, chị L có báo chính quyền thôn đến giải quyết, can ngăn và hòa giải và công an viên thôn, trưởng thôn đã có mặt can ngăn, hòa giải nhưng không lập biên bản hòa giải. Tuy nhiên sau nhiều lần can ngăn thì chị L và anh T vẫn xảy ra mâu thuẫn, chị L bị đánh và không chịu được nữa nên đã chuyển đi không chung sống cùng anh T từ khoảng cuối năm 2023 đến nay.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 - Tuyên Quang phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi nghị án và nội dung vụ án như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tham gia tố tụng. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 56, 57, Điều 81,82,83,84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 và Nghị quyết số 326/2016//UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lý Thị L được ly hôn anh Lý Văn T. Về con chung: Giao cho chị Lý Thị L trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung là cháu Lý Mạnh Q, sinh ngày 19/01/2014 đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi, anh Lý Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung, công nợ chung: Không xem xét do đương sự không yêu cầu giải quyết; Về án phí: giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lý Thị L khởi kiện yêu cầu tranh chấp về ly hôn với anh Lý Văn T. Đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tổng đạt

hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh T đều vắng mặt. Sau khi có quyết định đưa vụ án xét xử, Tòa án đã tiến hành thủ tục tổng đạt cho anh T theo quy định. Anh T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất, Tòa án hoãn phiên tòa và tiếp tục tổng đạt trực tiếp quyết định hoãn phiên tòa cho anh T nhưng anh T vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Chị L có đơn xin xét xử vắng mặt. Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án, các lời khai của nguyên đơn là chị Lý Thị L và các biên bản xác minh tại xã T thấy rằng: Chị L và anh T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh H nay là xã T, tỉnh T vào năm 2010. Sau khi đăng ký kết hôn, vợ chồng có chung sống cùng nhau sau đó có phát sinh mâu thuẫn. Giữa chị L và anh T không có sự đồng cảm và sẻ chia với nhau trong cuộc sống. Vợ chồng có xảy ra bạo lực gia đình là anh T có đánh chị L. Giữa vợ chồng chị L và anh T nay không còn tình cảm vợ chồng, không còn quan tâm chăm sóc nhau, không chung sống cùng nhau, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được. Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.” Hội đồng xét xử thấy rằng có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lý Thị L theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị L và anh T có một con chung tên là Lý Mạnh Q, sinh ngày 19/01/2014. Khi ly hôn, chị Lý Thị L yêu cầu được là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Lý Mạnh Q cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh Lý Văn T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Qua biên bản xác minh tại địa phương cho thấy từ khi vợ chồng ly thân thì con vẫn ở cùng anh T một năm nhưng con không được anh T chăm sóc tốt và hiện nay khi mẹ đến đón thì con chung có nguyện vọng là được đi ở cùng mẹ là chị L. Xét thấy chị L có thể chăm sóc tốt cho con và nguyện vọng con muốn ở cùng chị L. Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con...”. Do đó cần chấp nhận yêu cầu của chị L về con chung. Giao cho chị Lý Thị L trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi, anh Lý Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Lý Thị L có hộ khẩu thường trú tại xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn là xã T, huyện H, tỉnh H nay là xã T, tỉnh T. Trong quá trình thụ lý vụ án, chị L có đơn xin miễn tạm ứng án phí và án phí, Tòa án miễn tạm ứng án phí và án phí cho chị L vì chị L thuộc trường hợp là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 238; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lý Thị L. Tuyên xử cho chị Lý Thị L được ly hôn anh Lý Văn T.

Về con chung: Chị Lý Thị L là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Lý Mạnh Q, sinh ngày 19/01/2014 cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi, anh Lý Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không có yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa án không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Lý Thị L được miễn án phí do thuộc trường hợp là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự. Ngoài ra, người có quyền lợi có liên quan trong quá trình thi hành án có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 7b của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T;
- VKSND Khu vực 6 - TQ;
- THADS tỉnh T;
- UBND xã Tân Tiến;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

đã ký

Nguyễn Thị Khuyên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Nguyệt Triệu Thị Liên

Nguyễn Thị Khuyên

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T;
- VKSND Khu vực 6 - TQ;
- THADS tỉnh T;
- UBND xã Thông Nguyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Khuyên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Bùi Thanh Hưởng

Hoàng Thị Nguyệt

Nguyễn Thị Khuyên

